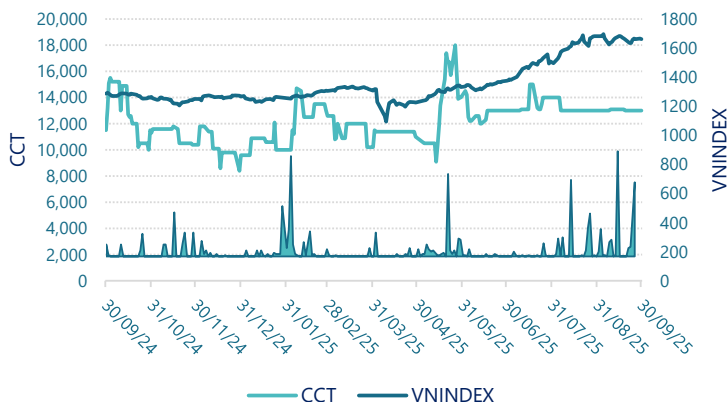




CTCP Cảng Cần Thơ (UPCOM: CCT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
SL cổ phiếu LH	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	370
P/E	70.8
EPS	184

DT thuần

Q3/25

51.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.60 | -3.0%

YoY: ▲15.1 | 42.1%

LN sau thuế

Q3/25

1.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.78 | 103%

YoY: ▲0.18 | 13.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.2%

+/- YoY: ▼1.4%

DT thuần

9T 2025

137

tỷ VNĐ

YoY: ▲26.0 | 23.0%

LN sau thuế

9T 2025

4.70

tỷ VNĐ

YoY: ▲1.58 | 50.5%

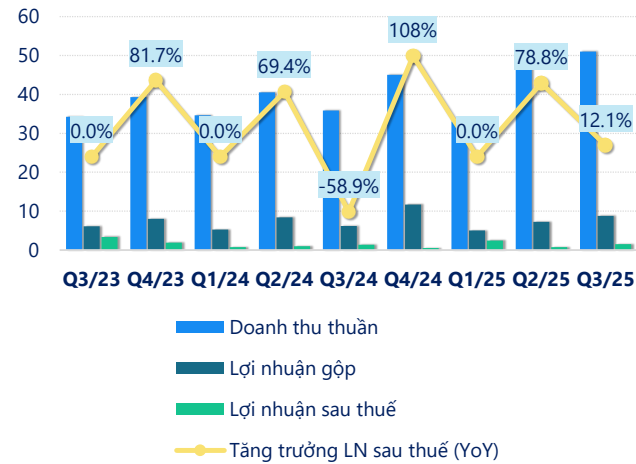
ROE

Q3/25

1.9%

tỷ VNĐ

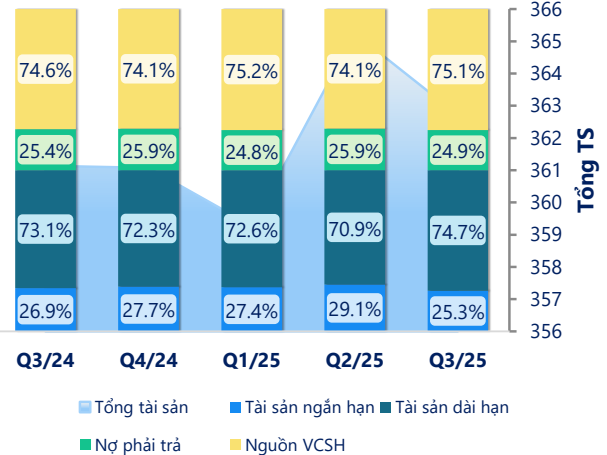
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

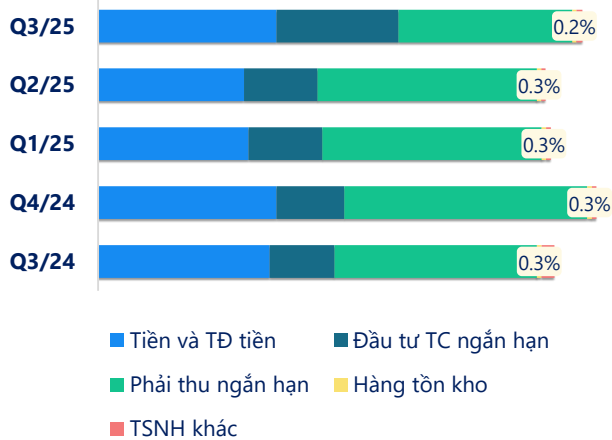
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



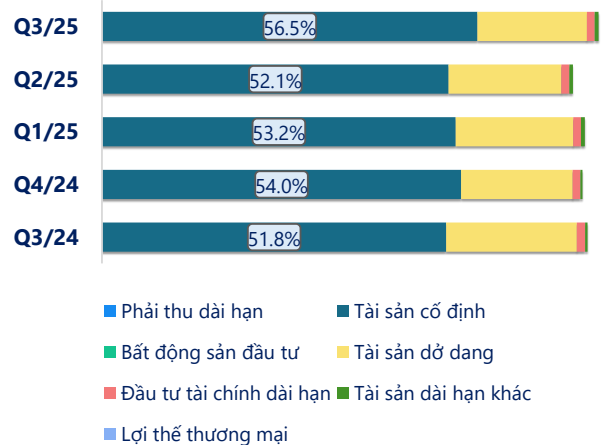
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

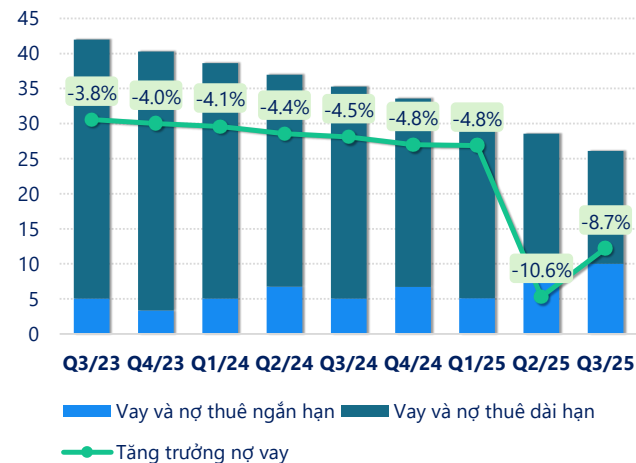
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

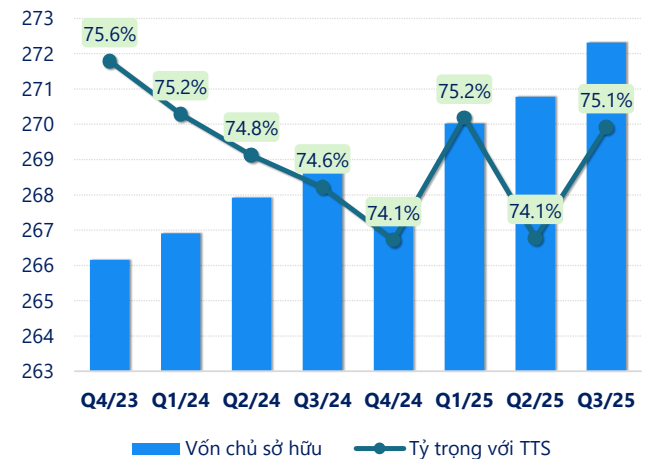
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

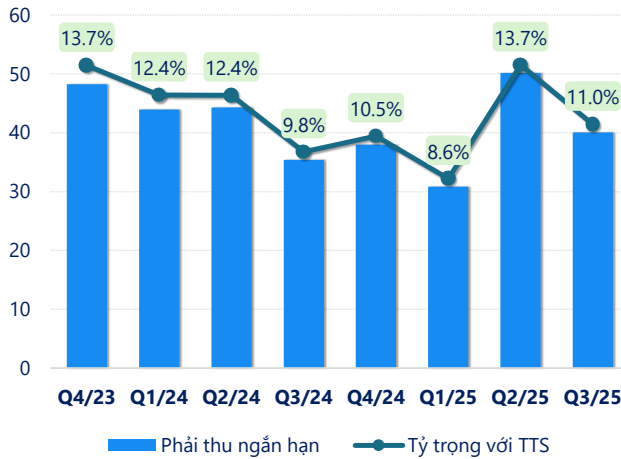
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



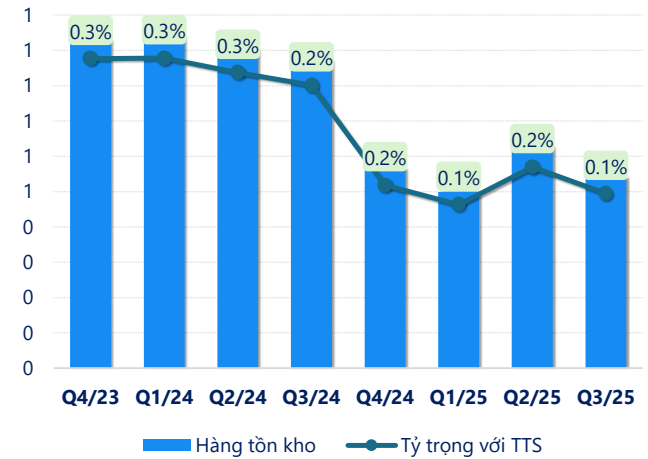
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


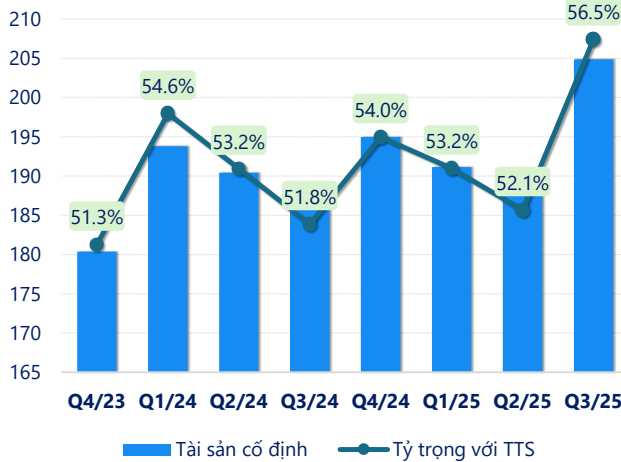
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


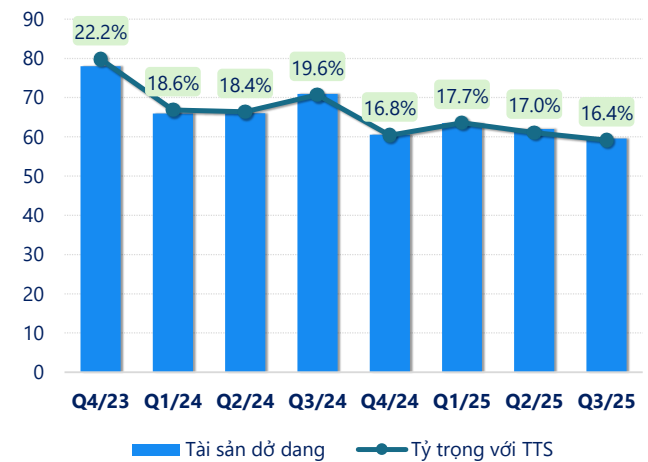
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

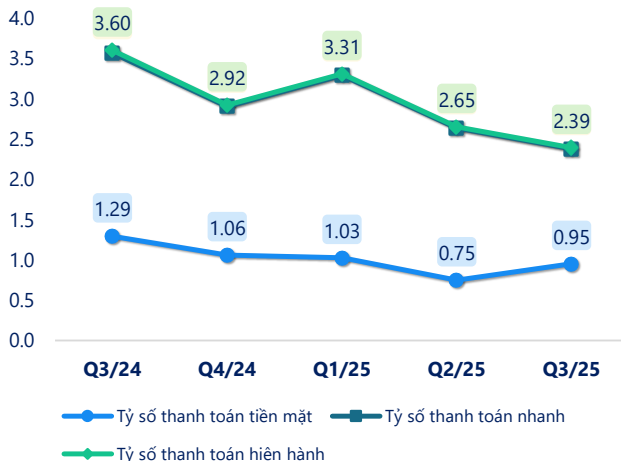
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	361	361	359	365	363
Tài sản ngắn hạn	97.3	100	98.3	106	91.8
Tiền và tương đương tiền	35.0	36.4	30.5	30.1	36.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.9	24.9	35.4	23.2	13.1
Phải thu ngắn hạn	35.4	38.0	30.8	50.2	40.0
Hàng tồn kho	0.87	0.56	0.50	0.62	0.54
Tài sản ngắn hạn khác	1.21	0.33	1.07	2.40	1.56
Tài sản dài hạn	264	261	261	259	271
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	187	195	191	190	205
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	71.0	60.6	63.5	62.0	59.6
Đầu tư tài chính dài hạn	4.50	4.27	4.27	4.27	4.27
Tài sản dài hạn khác	1.31	1.06	1.99	2.01	2.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	91.9	93.5	89.3	94.5	90.4
Nợ ngắn hạn	27.0	34.3	29.7	40.1	38.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.06	6.72	5.10	10.0	10.0
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	17.0	13.9	17.4	10.6
Nợ dài hạn	64.9	59.2	59.6	54.4	52.1
Vay và nợ thuê dài hạn	30.2	26.9	26.9	18.6	16.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	269	268	270	271	272
Vốn chủ sở hữu	269	268	270	271	272
Vốn điều lệ	275	275	275	275	275
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)